

Bản án số: 990/2017/KDTM-PT
Ngày 27/9/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các thẩm phán: Bà Biện Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký của Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần
Hồng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các Ngày 22 tháng 9 năm 2017 và Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại
phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm
công khai vụ án thụ lý số 59/KDTMPT Ngày 23 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp
“*Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/KDTM-ST Ngày 17 tháng 5 năm
2017 của Tòa án nhân dân Quận Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 589/2017/QĐ-PT Ngày
24 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2017/QĐ-PT Ngày
15/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 627/2017/QĐ-PT Ngày 14/9/2017,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: 442 NTMK, Phường T, Quận E, TP Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Hồng Như N, trú tại 67 HTL, quận
TP, TP Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền 402/UQ.AA.15 Ngày 06/8/2015) (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV

Địa chỉ: 129/35/23 NT, Phường U, Quận T, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 1627/34 HTP, phường PM, Quận U, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Phạm Thành S, trú tại
129/35/23 NT, Phường U, Quận T, TP Hồ Chí Minh (có mặt Ngày 22/9/2017
vắng mặt Ngày 27/9/2017)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Phạm Thành S, sinh năm 1991

Địa chỉ: 1627/34 HTP, phường PM, Quận U, TP Hồ Chí Minh (có mặt Ngày
22/9/2017 vắng mặt Ngày 27/9/2017)

2. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 654/8 LLQ, Phường O, quận TB, TP Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Thu H: Ông Phạm Đức H, trú tại 23 TTT, Phường QI, Quận R, TP Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền Ngày 08/8/2017) (có mặt Ngày 22/9/2017 vắng mặt Ngày 27/9/2017)

3. Bà Phan Thị X, sinh năm 1971

4. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1987

5. Ông Nguyễn Minh Qu, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 102 Đường số TT, P. TT, Q. BT, TP Hồ Chí Minh (cùng có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Phan Thị X có Luật sư Lê Thị Kim L của Công ty Luật TNHH Một thành viên CH và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

6. Phòng công chứng số R– Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở: 25/5 HV, Phường R, Q. TB, TP Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phạm Thành S và bà Phan Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề Ngày 21 tháng 6 năm 2012 và Đơn rút một phần yêu cầu đề Ngày 27 tháng 11 năm 2014 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A(gọi tắt là A) có người đại diện theo ủy quyền là bà Vũ Hồng Như N trình bày là A và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV(gọi tắt là Công ty HV) đã ký kết Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số VAL.DN.01120511 Ngày 13/5/2011 với nội dung:

- Tổng hạn mức cấp tín dụng: 2.050.000.000 đồng

- Thời hạn hiệu lực hạn mức cấp tín dụng: 60 tháng

- Biện pháp bảo đảm:

. Thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phan Thị X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BĐDN.01120511 Ngày 13/5/2011.

. Chứng thư bảo lãnh của ông Nguyễn Phạm Thành S đề Ngày 13/5/2011, theo đó ông S chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bên được bảo lãnh (Công ty HV) với A khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Trên cơ sở Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng nêu trên, A cho Công ty HV vay bằng Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VAL.DN.02120511 Ngày 13/5/2011 và đã giải ngân cho Công ty HV bằng Khế ước nhận nợ số 125192759 Ngày 31/12/2011, cụ thể Ngày 31/12/2011 A đã giải ngân 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (từ Ngày 31/12/2011 đến 30/06/2012), mức lãi suất trong

hạn 20,12%/năm, quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ là lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ.

Đến hạn, Công ty HV vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngày 18/4/2012 A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn. Từ Ngày 18/5/2012, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến Ngày 11/5/2017, Công ty HV còn nợ vốn và lãi là 4.580.702.777 đồng, trong đó nợ vốn 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.704.444 đồng lãi quá hạn 2.423.998.333 đồng. Do, Công ty HV không trả đầy đủ nợ vay nên A đã khởi kiện đến Tòa án với yêu cầu Công ty HV phải thanh toán ngay cho A tổng số nợ như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng nêu trên từ Ngày 12/5/2017 đến Ngày Công ty HV trả hết nợ gốc. Việc thanh toán nợ theo thứ tự là thanh toán nợ lãi quá hạn, lãi trong hạn và gốc. Nếu Công ty HV không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ thì tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị X theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BĐDN.01120511 Ngày 13/05/2011 có Công chứng số 020186 Ngày 13/5/2011, đăng ký giao dịch bảo đảm Ngày 16/5/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được A bán hoặc A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ. Đồng thời, buộc ông Nguyễn Phạm Thành S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo Chứng thư bảo lãnh đề Ngày 13/5/2011.

A rút yêu cầu đối với bà Phạm Thị Thu H về việc bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty HV theo Chứng thư bảo lãnh đề Ngày 30/6/2011;

A rút yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ HL (gọi tắt là Công ty HL) về việc Công ty HL phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty HV theo giấy Cam kết trả nợ đề Ngày 30/6/2011.

Tại Bản tự khai Ngày 18/7/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn là Công ty HV có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Phạm Thành S trình bày là bị đơn xác nhận yêu cầu khởi kiện của A là đúng. Từ lúc ký hợp đồng tín dụng cho đến nay bị đơn chưa thanh toán khoản tiền gốc, còn lãi thì chỉ thanh toán một phần cho A, do sau khi A giải ngân thì bà Phan Thị X và bà Phạm Thị Thu H là những người sử dụng. Nay, bị đơn đồng ý cùng kết hợp với bà X trả nợ cho A nhưng do có khó khăn về kinh tế nên đề nghị A giảm lãi.

Tại Bản tự khai Ngày 18/7/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phạm Thành S trình bày là ông xác nhận yêu cầu khởi kiện của A là đúng và có ký Chứng thư bảo lãnh đề Ngày 13/5/2011, theo đó ông chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bên được bảo lãnh là Công ty HV đối với A khi Công ty HV không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Tại Đơn khởi kiện đề Ngày 19/3/2015 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị X trình bày là vào Ngày 22/01/2011 bà có ký hợp đồng mua Căn nhà số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, TP Hồ Chí Minh của bà Phạm Thị Xuân Trường, sinh năm

1966. Trong hợp đồng mua bán nhà có thỏa thuận là bà X phải thanh toán cho bà Trường toàn bộ số tiền mua nhà vào Ngày 25/3/2011.

Khi gần đến hạn thanh toán tiền mua nhà, bà X chưa có tiền nên theo hợp đồng bà X phải bồi thường 500.000.000 đồng và bị hủy hợp đồng mua nhà. Nên, bà X cần vay tiền ngân hàng để thanh lý hợp đồng mua nhà, bà mới gặp bà Phạm Thị Thu H (Giám đốc Công ty HL) là người chuyên cho vay tiền và làm dịch vụ đăng bộ sang tên nhà đất.

Sau đó, bà X đề nghị vay của bà H số tiền 1.250.000.000 đồng để bà X thanh lý hợp đồng mua nhà. Hai bên thỏa thuận là khi thanh lý và làm thủ tục giấy tờ nhà cho bà X xong thì bà H sẽ giữ toàn bộ giấy tờ nhà nêu trên để làm thủ tục vay A cho bà X, từ đó bà X mới có tiền trả lại cho bà H. Bà H tính tiền công và lãi, phí trọn gói tiền dịch vụ đăng bộ nhanh trong vòng 3 Ngày với số tiền là 50.000.000 đồng và bà X đồng ý. Thực hiện thỏa thuận trên, bà H đã cho bà X vay là 1.250.000.000 đồng để thanh toán cho bà Trường theo hợp đồng mua bán căn nhà nêu trên tại Phòng công chứng số 7. Hợp đồng mua bán nhà ở, chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở đã được Công chứng số 05759, Quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD Ngày 25/03/2011 và bà H giữ toàn bộ giấy tờ để đi đăng bộ cho bà X và làm thủ tục vay ngân hàng cho bà X theo như thỏa thuận. Thủ tục vay tiền tại ngân hàng kéo dài, bà H yêu cầu bà X phải chịu tiền lãi vay 3%/Ngày, bà X không đồng ý mà chỉ trả cho bà H tiền dịch vụ theo thỏa thuận ban đầu. Bà X cho biết bà không biết Công ty HV nhưng do giới thiệu của bà H và bà cần rút ngắn thời gian chịu lãi cao khi bà H để thêm lâu Ngày, sợ mất giấy tờ nhà khi bà H đang giữ và bà có tiền để trả nợ cho bà H, từ đó bà phải ký vào hợp đồng bảo lãnh để Công ty HV vay tiền A. Công ty HV đã nhận hết số tiền vay 2.000.000.000 đồng.

Ngày 20/5/2011, bà X có nguồn tiền muốn thanh lý hợp đồng bảo lãnh với A, nhưng việc thanh lý chưa được là do bà cho bà H vay 1.000.000.000 đồng để bà H đóng thuế đăng bộ sang tên nhà đất của bà H tại Đồng Nai, sau đó bà H sẽ dùng hồ sơ nhà của bà H vay ngân hàng để giải chấp trả nhà lại cho bà X. Bà H có hứa là sẽ chịu trách nhiệm về Hợp đồng bảo lãnh vay và có trách nhiệm chi trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho A thay cho Công ty HV. Thực hiện việc vay này, bà H có ghi lại giấy vay 1.000.000.000 đồng và đưa cho bà X giữ bộ hồ sơ Nhà đất ở tỉnh Đồng Nai (bản gốc), giấy chứng minh nhân dân của bà H, giấy phép kinh doanh Công ty HL cùng với giấy ủy quyền cho bà X để bà X làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Khi làm thủ tục vay, bà X mới biết là giấy tờ nhà của bà H ở tỉnh Đồng Nai đã bị niêm phong do tranh chấp từ trước. Từ Ngày bà H vay tiền của bà X, bà H bỏ trốn cho đến nay.

Qua những sự việc nêu trên, bà H đã lợi dụng sự tín nhiệm của bà X để chiếm dụng vốn vay của bà X. Do đó, bà X yêu cầu Tòa án:

- Hủy Hợp đồng bảo lãnh vay giữa bà X và A
- Công ty HV và bà Phạm Thị Thu H chịu trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho A để A trả giấy tờ nhà cho bà.

Tại Biên bản hòa giải Ngày 04/4/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Minh Q và

Nguyễn Minh Qu trình bày các ông là con của bà Phan Thị X, cùng ở trong căn nhà mà hiện đang bảo lãnh cho Công ty HV vay vốn tại A, các ông thống nhất với yêu cầu của bà X.

Tại Bản tự khai Ngày 23/6/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Thu H trình bày là bà H có quen biết với bà X do bà X cần 1.250.000.000 đồng để trả tiền mua căn nhà thế chấp nêu trên, nên bà H đã cho bà X vay số tiền này. Sau đó, bà H giới thiệu cho bà X đến Công ty HV để nhờ vay tiền tại A với việc bảo lãnh thế chấp bằng chính nhà đất mà bà X đã mua. Sau khi vay tiền xong, bà X đã trả lại 1.250.000.000 đồng cho bà H và bà H có vay lại của bà X số tiền 1.000.000.000 đồng. Số tiền mà Công ty HV vay của A mà sau đó người sử dụng số tiền này là bà X nên bà X phải có trách nhiệm cùng với Công ty HV trả nợ cho A, còn số tiền 1.000.000.000 đồng bà H xác định đây là quan hệ vay tài sản giữa bà với bà X nên bà có trách nhiệm giải quyết với số tiền này.

Tại Văn bản số 237 Ngày 30/6/2016 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phòng Công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày là vào Ngày 13/5/2011 bà Phan Thị X đã thực hiện việc giao kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với A để bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty HV. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà Phan Thị X. Hợp đồng thế chấp đã được giao kết dựa trên sự tự nguyện của các bên và được công chứng đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên giao kết hợp đồng phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã được ghi nhận trong hợp đồng. Việc bà X cho rằng bà bị ép buộc phải giao kết hợp đồng nêu trên là không có cơ sở. Vì vậy, Phòng công chứng số 4 đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của bà X.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều thừa nhận với các chứng cứ của A để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của A, trong đó có Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BDDN.01120511 Ngày 13/5/2011 có công chứng số 020186 Quyền số 5 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký giao dịch bảo đảm, nên căn cứ vào Điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là những chứng cứ không cần phải chứng minh. Do đó:

- + A vẫn yêu cầu như trên và cho rằng bà X yêu cầu hủy hợp đồng bảo lãnh thế chấp nêu trên là không có cơ sở, còn các chứng cứ, sự kiện mà bà X trình bày thì không liên quan đến vụ án.

- + Bà H chỉ xác nhận có vay của bà X 1.000.000.000 đồng, nên bà có trách nhiệm với khoản vay này, bà X là người sử dụng số tiền mà Công ty HV đã vay của A, còn các tình tiết còn lại không liên quan đến vụ án này.

- + Công ty HV cũng xác nhận bà X là người sử dụng số tiền mà Công ty HV đã vay của A.

+ Bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/KDTM-ST Ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận Idã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của A đối với bà Phạm Thị Thu H về việc trả nợ cho A thay cho Công ty HVtheo Chứng thư bảo lãnh Ngày 30/6/2011 và đối với Công ty HL về việc trả nợ cho A thay cho Công ty HVtheo Giấy cam kết trả nợ Ngày 30/6/2011.

2. Buộc Công ty HV thanh toán cho A tổng số nợ tính đến Ngày 11/5/2017 là 4.580.702.777 đồng, trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.704.444 đồng, lãi quá hạn 2.423.998.333 đồng, tiền lãi được tính đến Ngày 11/5/2017 theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số VAL.DN.01120511 Ngày 13/05/2011.

Ngay sau khi Công ty HV thi hành xong số tiền trên thì A trả lại cho bà Phan Thị X những giấy tờ bản chính liên quan đến Nhà đất địa chỉ số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BDDN.01120511 lập Ngày 13/5/2011 tại Phòng công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh có Số công chứng 020186 Quyền số 5 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận BT Ngày 16/5/2011. Ngược lại, nếu Công ty HV không trả dứt điểm toàn bộ số tiền trên cho A thì A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm cho việc thi hành án. Nếu việc phát mãi chưa đủ để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Phạm Thành S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo Chứng thư bảo lãnh đã ký Ngày 13/5/2011.

Số tiền lãi được tính tiếp cho Công ty HV từ Ngày 12/5/2017 trên số tiền thực tế vay cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị X về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BDDN.01120511 lập Ngày 13/5/2011 tại Phòng công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh có Số công chứng 020186 Quyền số 5 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty HV phải chịu là 112.580.703 đồng.

- Trả lại cho A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.173.000 đồng theo Biên lai thu số 00518 Ngày 01/8/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

- Bà Phan Thị X phải chịu là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 04434 Ngày 23/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà X đã thi hành xong phần án phí.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Công ty HV đã có Đơn kháng cáo đề Ngày 30/5/2017 kháng cáo bản án sơ thẩm do nội dung của bản án đã gây thiệt hại cho công ty.

Ông Nguyễn Phạm Thành S đã có Đơn kháng cáo đề Ngày 30/5/2017 kháng cáo bản án sơ thẩm do nội dung của bản án đã gây thiệt hại cho ông.

Bà Phan Thị X đã có Đơn kháng cáo đề Ngày 26/5/2017 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do nội dung của bản án không hợp tình, hợp lý và đã gây thiệt hại cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty HV, ông Nguyễn Phạm Thành S và bà Phan Thị X và đề nghị y án sơ thẩm do Công ty HV vi phạm Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số VAL.DN.01120511 Ngày 13/5/2011, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VAL.DN.02120511 Ngày 13/5/2011 mà các bên đã ký kết. Tính đến Ngày 11/5/2017, Công ty HV còn nợ gốc và lãi là 4.580.702.777 đồng, trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.704.444 đồng, lãi quá hạn 2.423.998.333 đồng.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên với A và có nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng từ A nhưng bị đơn vay cũng là để vay giúp cho bà Phan Thị X số tiền này, bị đơn hoàn toàn không sử dụng mà số tiền vay này được giao cho bà X và bà đã sử dụng vào việc trả tiền mua Căn nhà số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X sử dụng nhưng bà không trả nợ mà để bị đơn trả nợ lãi cho A với số tiền 244.657.226 đồng. Bị đơn hoàn toàn không hưởng lợi ích từ việc vay này nhưng lại phải trả một khoản tiền lớn theo hợp đồng tín dụng nêu trên thậm chí phải chịu tiền án phí, việc này thiệt thòi cho bị đơn. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn mà phát mãi tài sản thế chấp để bà X trả số nợ lãi nêu trên và trả tiền án phí cho bị đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phạm Thành S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể Công ty HV thì vay giúp cho bà X, ông có ký chứng thư bảo lãnh như đã nêu trên nhưng ông không hưởng lợi gì trong việc vay này, số tiền vay bà X sử dụng nên việc buộc ông có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty HV thì quá thiệt thòi cho ông. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông và để giải quyết nợ cho A đề nghị chỉ phát mãi tài sản thế chấp của bà X để trả nợ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, với những sự việc mà bà X trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm thì luật sư của bà X tại Tòa án cấp phúc thẩm có ý kiến như sau:

+ Bà Phạm Thị Thu H là người đóng vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt bà X ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là Căn nhà số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo lãnh cho Công ty HV vay 2.000.000.000 đồng của A. Chính bà H là người sử dụng số tiền vay này nhưng không trả nợ cho A được nên bà đã vay bà X 1.000.000.000 đồng. Vậy, bà H phải có trách nhiệm trong việc thanh toán hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên. Việc vay 1.000.000.000 đồng của bà H có liên quan đến việc ký kết thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đồng thời là người đồng

bảo lãnh khoản vay A cho Công ty HV, nên cần phải đưa vào giải quyết số tiền 1.000.000.000 đồng trong cùng vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm lập luận rằng quan hệ giữa bà X và bà H là quan hệ vay mượn tài sản nên tách ra thành một vụ kiện khác là trái với Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về bản chất của sự việc, bà H có ý đồ lừa bà X ký hợp đồng thế chấp để cùng với Công ty HV chiếm dụng toàn bộ số tiền vay từ A, bà X không có nhận khoản tiền nào từ tiền vay của A. Do đó, việc bà X ký hợp đồng thế chấp tài sản do có dấu hiệu bị lừa dối thì cần phải xem xét lại tính hợp pháp của hợp đồng này theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005.

+ Về trách nhiệm của người bảo lãnh cho Công ty HV đối với A thì cần phải xem xét trách nhiệm bảo lãnh của bà Phạm Thị Thu H và Công ty HL theo Chứng thư bảo lãnh và Giấy cam kết trả nợ đề Ngày 30/6/2011. Căn cứ Khoản 2 Điều 24 Thông tư 07/2015/TT-NHNN Ngày 25/6/2015. Vì vậy, cần phải đưa bà H và Công ty HL vào giải quyết trong vụ án để những cá nhân và đơn vị này phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ đã cam kết bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

+ Ông Lê Đức Phong (nguyên Giám đốc A Chi nhánh số 01 Q Trung, Phường 10, quận Gò Vấp) là người giới thiệu bà H cho bà X vay tiền. Để ký hợp đồng thế chấp tài sản của bà X thì ông Phong là người biết rõ. Vì vậy, cần phải có sự làm chứng của ông Phong thì mới làm sáng tỏ một số tình tiết của vụ án, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bà X. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phong vào tham gia tố tụng dưới tư cách là người làm chứng để lấy lời khai là thiếu sót.

Với những ý kiến nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Thu H có đại diện là ông Phạm Đức Huy trình bày là A đã rút yêu cầu cùng chịu trách nhiệm đối với bà H và Công ty HL thì không cần phải đưa bà H và Công ty HL tham gia tố tụng. Hợp đồng thế chấp nêu trên, các bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật như có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm thì không thể nào gọi là bị lừa dối, nên hợp đồng thế chấp này không bị vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Minh Q và Nguyễn Minh Quý trình bày là các ông thống nhất với yêu cầu của bà X.

- Ý kiến phát biểu thêm của nguyên đơn: không đồng ý với ý kiến của Công ty HV, ông S, bà X do Công ty HV vay thì công ty có trách nhiệm trả nợ vay đã đến hạn cho A. Khi công ty không trả thì người thế chấp tài sản bảo đảm và người có chứng thư bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay, việc phải trả nợ thay thuộc quyền lựa chọn của nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến luật sư của bà X cho là hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu là do bà X bị lừa dối mà bà X ký kết một cách tự nguyện, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Nguyên đơn không chấp nhận các kháng cáo nêu trên mà yêu cầu y án sơ thẩm, cụ thể nguyên đơn yêu cầu Công ty HV có trách nhiệm thanh toán ngay nợ

gốc 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 156.704.444 đồng, lãi quá hạn 2.423.998.333 đồng và tiền lãi phát sinh từ Ngày 12/5/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn được thể hiện trong hợp đồng tín dụng. Nếu, Công ty HV không thanh toán hoặc thanh toán đầy đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Nhà đất số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh để nguyên đơn thu hồi nợ, nếu thu hồi chưa đủ thì buộc ông S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo chứng thư bảo lãnh nêu trên.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử Cấp phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, bị đơn cho rằng bị đơn không sử dụng tiền vay mà người sử dụng là bà X nên không có trách nhiệm trả nợ nguyên đơn là không có cơ sở để được chấp nhận do bị đơn đã nhận tiền vay qua việc chuyển khoản. Ông S cho rằng ông không có sử dụng tiền vay mà người sử dụng là bà X nên không có trách nhiệm trả thay cho bị đơn là không có cơ sở để được chấp nhận do ông có ký chứng thư bảo lãnh cùng với việc nguyên đơn yêu cầu ông phải chịu trách nhiệm trả nợ thay. Bà X thì yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp bị vô hiệu là do bà bị lừa dối là không có cơ sở do hợp đồng thế chấp mà bà tự ký kết có công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm. Bà X và luật sư của bà yêu cầu phải đưa Công ty HL và bà H tham gia tố tụng dưới tư cách là người liên quan và phải có trách nhiệm liên đới trong vụ án này là không cần thiết do nguyên không yêu cầu trách nhiệm của Công ty HL cũng như trách nhiệm của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mà không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ông S và bà X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung các kháng cáo với yêu cầu như sau:

- Về hình thức: Các đơn kháng cáo của bị đơn, ông S và bà X gửi đến Tòa án đều còn trong thời hạn luật định.

- Về nội dung:

+ *Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trách nhiệm thanh toán nợ gốc, lãi và lãi phát sinh là thiệt thòi cho bị đơn do bị đơn không có sử dụng khoản tiền vay thì vấn đề này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do bị đơn đã nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng từ việc chuyển khoản của nguyên đơn, việc này đúng với Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số VAL.DN.02120511 Ngày 13/5/2011 và Khế ước nhận nợ số 125192759 Ngày 31/12/2011 mà các bên đã ký kết đúng với Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.*

+ *Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Phạm Thành S có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty HV thì quá thiệt thòi cho ông, do ông không sử dụng khoản vay 2.000.000.000 đồng, số tiền vay này bà X sử dụng thì vấn đề này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do ông có cam kết trả nợ thay cho bị đơn*

cùng với việc nguyên đơn yêu cầu ông S phải chịu trách nhiệm bằng Chứng thư bảo lãnh đề Ngày 13/5/2011 phù hợp với Điều 365 Bộ luật dân sự 2005.

+ *Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ giữa bà X và bà H là quan hệ vay mượn tài sản nên tách ra thành một vụ kiện khác là trái với quy định của pháp luật* thì vấn đề này Luật sư của bà X không có cơ sở chứng cứ để chứng minh do nội dung vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này không thể hiện mối liên quan giữa hợp đồng tín dụng và hợp đồng cho vay giữa bà X và bà H. Vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tách quan hệ hợp đồng cho vay giữa bà X và bà H nếu có tranh chấp thành một vụ kiện khác là đúng quy định pháp luật.

+ *Cần phải đưa bà H và Công ty HL vào giải quyết trong vụ án để những cá nhân và đơn vị này phải chịu trách nhiệm đối với nghĩa vụ đã cam kết bảo lãnh theo quy định của pháp luật* thì vấn đề này không có cơ sở để được chấp nhận do nguyên đơn đã không yêu cầu bà H và Công ty HL phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bị đơn đúng theo Điều 7 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP Ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm.

+ *Bà H có ý đồ lừa bà X ký hợp đồng thế chấp để cùng với bị đơn chiếm dụng toàn bộ số tiền vay từ nguyên đơn, bà X không có nhận khoản tiền nào từ tiền vay của nguyên đơn. Do đó, việc bà X ký hợp đồng thế chấp tài sản do có dấu hiệu bị lừa dối thì cần phải xem xét lại tính hợp pháp của hợp đồng này theo quy định tại Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005* thì yêu cầu này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được Phòng Công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xác định Hợp đồng thế chấp đã được giao kết dựa trên sự tự nguyện của các bên và được công chứng đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

+ *Cần phải đưa ông Lê Đức P (nguyên Giám đốc Chi nhánh Văn Lang – A) vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng* thì yêu cầu này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do trong vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và chứng thư bảo lãnh của ông S không thể hiện việc liên quan đối với ông Phong.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, ông Nguyễn Phạm Thành S và bà Phan Thị X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận I.

- Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: như bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn, ông S và bà X phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 365 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án Ngày 27/02/2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án ,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV, ông Nguyễn Phạm Thành S và bà Phan Thị X. Y bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Phạm Thị Thu H về việc trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thay cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV theo Chứng thư bảo lãnh Ngày 30/6/2011 và đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ HL về việc trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thay cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV theo Giấy cam kết trả nợ Ngày 30/6/2011.

2/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số nợ là 4.580.702.777 (*Bốn tỷ năm trăm tám mươi triệu bảy trăm lẻ hai Nn bảy trăm bảy mươi bảy*) đồng, trong đó nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 156.704.444 đồng, lãi quá hạn là 2.423.998.333 đồng và tiền lãi phát sinh từ Ngày 12/5/2017 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số VAL.DN.01120511 Ngày 13/5/2011.

Ngay sau khi Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV thi hành xong số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trả lại cho bà Phan Thị X những giấy tờ bản chính liên quan đến Nhà đất địa chỉ số 102 Đường TT, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thứ ba số VAL.BDDN.01120511 lập Ngày 13/5/2011 tại Phòng công chứng số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh có Số công chứng 020186 Quyền số 5 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận BT Ngày 16/5/2011. Ngược lại, Công ty HV không trả dứt điểm toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để bảo đảm cho việc thi hành án. Nếu việc phát mãi chưa đủ để thi hành án thì buộc ông Nguyễn Phạm Thành S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay theo Chứng thư bảo lãnh đã ký Ngày 13/5/2011.

3/- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phan Thị X về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người

thứ ba số VAL.BDDN.01120511 lập Ngày 13/5/2011 tại Phòng công chứng số 4
- Thành phố Hồ Chí Minh có Số công chứng 020186 Quyển số 5 TP/CC-
SCC/HĐGD vô hiệu.

4/- Ấn phí kinh doanh thương mại:

- Ấn phí sơ thẩm:

+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV phải
chịu là 112.580.703 (*Một trăm mười hai triệu năm trăm tám mươi Nn bảy trăm
lẻ ba*) đồng.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí
đã nộp là 38.173.000 đồng theo Biên lai thu số 00518 Ngày 01/8/2012 của Chi
cục Thi hành án dân sự Quận I Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Phan Thị X phải chịu là 200.000 (*Hai trăm Nn*) đồng nhưng được
khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu
tiền số 04434 Ngày 23/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I Thành phố
Hồ Chí Minh.

- Ấn phí phúc thẩm:

+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Xây dựng HV phải
chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số
tiền tạm ứng án phí kháng cáo công ty đã nộp 300.000 đồng và 1.700.000 đồng
theo các Biên lai thu số 027415 Ngày 09/6/2017 và số 013102 Ngày 10/7/2017
của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Ông Nguyễn Phạm Thành S phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai
triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông đã
nộp 300.000 đồng và 1.700.000 đồng theo các Biên lai thu số 027416 Ngày
09/6/2017 và số 013101 Ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận
I Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Bà Phan Thị X phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng
nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà đã nộp 300.000
đồng và 1.700.000 đồng theo các Biên lai thu số 027375 Ngày 31/5/2017 và số
013100 Ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I Thành phố Hồ
Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật
thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự
có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành
án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành
án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật
Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND Quận I;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Quận I;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

Ngô Văn Dũng